TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:199/2022/QĐ-ST ngày 22/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/8/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tĩnh Lộc, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Chị Nguyễn Thị Y ủy quyền cho chị Luân Thị N, sinh ngày 17/02/1994; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (ủy quyền nộp các tài liệu chứng cứ và nhận văn bản giấy tờ đối với Tòa án; Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 05/10/2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới

theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2014 chị đi lao động tại Đài Loan. Anh, chị nhiều lần tha thứ, bỏ qua cho nhau nhưng mẫu thuẫn giữa hai vợ chồng quá lớn nên không thể hàn gắn được. Vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay chị về thăm gia đình và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, do anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung nên ngày 24/10/2022 chị có bản tự khai trình bày chị đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng 1.5000.000 đồng/ 01 tháng/01 cháu cho đến khi con chung 18 tuổi. Chị đồng ý với đề nghị của anh T.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị đề nghị do chị về Việt Nam ít thời gian và phải quay lại Đài Loan làm việc nên không đến làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang được vì vậy chị đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử, chị ủy quyền cho chị Luân Thị N, sinh ngày 17/02/1994; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thay chị nộp và nhận tất cả các tài liệu liên quan đến vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn chị Y về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Năm 2014 chị Y đi lao động tại Đài Loan, sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn gọi điện hỏi thăm nhau. Tuy nhiên, từ năm 2020 những lần gọi điện hỏi thăm nhau ít dần, chị Y chủ yếu gọi điện về hỏi thăm sức khỏe và tình hình học tập của con. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Y có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012. Hiện nay con

chung đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Yến N và cháu Nguyễn Phương A trình bày: Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố, được bố chăm sóc đầy đủ. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Y; Biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt nên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y.

Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Do chị Y hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung cho anh Nguyễn Văn T theo mức 1.5000.000đồng/01 tháng/01 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Y khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và Công văn số 25346/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/8/1987 xuất cảnh gần nhất ngày 26/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập. Do đó, chị Y được xác định là đang ở nước ngoài. Anh T, chị Y đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y với anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Y, anh T chung sống với nhau hòa thuận được hai năm. Năm 2014 chị Y đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ít liên lạc với nhau. Đến nay chị Y, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, xử cho chị Y và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về nuôi con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn chị Y đề nghị giao 02 con chung cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng: Hội đồng xét xử thấy, Chị Y hiện đang lao động nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, từ khi chị Y đi lao động tại Đài Loan đến

nay cháu N và cháu A vẫn do anh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Anh T đồng ý nhận nuôi 02 con chung. Ngoài ra, cháu N, cháu A trên 07 tuổi có lời khai trình bầy có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Y. Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Y về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức 1.500.000đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các cháu 18 tuổi.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh T. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị Y đang lao động ở nước ngoài có việc làm, có thu nhập ổn định, các con chung đang tuổi đi học và chị Y đồng ý với yêu cầu của anh T. Do vậy, căn cứ vào thu nhập và khả thực tế của chị Y, cũng như ý kiến của chị Y, nhu cầu thiết yếu của các con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh T. Buộc chị Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh T với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/01tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2023, mức cấp dưỡng theo tháng đến khi con hai chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[7]. Về tài sản, công nợ: Chị Y, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[9]. Về quyền kháng cáo:

[9.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9.2]. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/11/2010 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2012 cùng anh Nguyễn Văn T với mức cấp dưỡng 1.500.000đồng/01 tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0000631 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Y hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền